



DANH SÁCH HỌC SINH 7A1 - NĂM HỌC 2022-2023

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	GD CD	Công nghệ	Tin học	KH TN	LS& ĐL	GD TC	NT (AN, MT)	HĐTN, HN	GD ĐP	Lớp cũ	Ghi chú
1	Lê Ngọc Anh	28/5/2010	Nữ	4.4	6	5.3	7	8	7.3	7.2	7.8	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
2	Phan Đình Gia Bảo	2/10/2010	Nam	5.8	7.4	4.8	7.7	7.9	7.8	7.8	7.7	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
3	Phan Thị Kiều Diễm	27/2/2010	Nữ	5.2	8.4	6	7.2	9.3	8.7	8.2	9	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
4	Trịnh Hữu Duy	22/7/2010	Nam	6.2	7.7	4.5	7.9	8.4	7.9	7.4	8.6	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
5	Trần Hoàng Duy Đan	1/9/2010	Nam	4.8	6.1	5	7.1	6.9	6.8	5.8	7	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
6	Nguyễn Tấn Đạt	11/4/2010	Nam	4.9	6.4	5.4	6.9	8	5.4	7.2	7.7	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
7	Trần Trương Hà Giang	25/5/2010	Nữ	5.5	6.8	6.1	7.6	7.8	7.3	7.7	8	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
8	Võ Nhựt Hào	25/11/2010	Nam	4.5	6.9	4.8	7.1	7.3	6.3	6.7	7	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
9	Nguyễn Trần Phúc Hân	5/11/2010	Nữ	4	5.6	5.2	7.4	6.8	6.5	6.8	7.5	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
10	Trương Minh Hiếu	15/5/2010	Nam	5.8	7.7	5.4	8.6	8.3	7.9	8.1	9	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
11	Võ Thái Hồ	5/3/2010	Nam	4.2	8.1	5	7.6	8.5	7.2	7.5	8.1	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
12	Bùi Phước Huy	26/3/2010	Nam	4.4	5.6	5.2	6.2	7.5	6.1	6.2	6.4	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
13	Nguyễn Diễm Hương	27/8/2010	Nữ	4.5	5.3	4.6	6.2	6.4	6	5	6.8	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
14	Đặng Đăng Khôi	23/7/2010	Nam	4.7	6.4	5.1	7.9	8.4	7.9	7.3	8.1	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
15	Nguyễn Tường Lam	4/8/2010	Nữ	3.7	6.7	5.4	7.9	7.9	7.9	6.3	6.9	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
16	Võ Hoàng Long	2/5/2010	Nam	5.5	5.6	4.3	5.4	6.4	5.8	6.4	6.4	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
17	Dương Thị Trà My	20/2/2010	Nữ	6.2	7.7	5.6	9	8.5	8.6	8.4	8.1	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
18	Đào Thị A Na	17/6/2010	Nữ	4.4	6.3	5.3	7.3	7.7	5.4	6	6.8	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
19	Nguyễn Hữu Nghĩa	3/12/2010	Nam	5.9	7.6	5.5	8.4	8.1	6.9	7.7	7.4	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
20	Võ Thanh Nguyên	29/10/2010	Nam	3.5	5	3.6	5.9	6.9	5.8	5.2	6.1	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
21	Nguyễn Thị Thanh Nhã	3/2/2010	Nữ	8.1	9.2	8.9	9.3	8.8	9.5	8.9	9.2	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
22	Lâm Yến Nhi	16/4/2010	Nữ	9.7	9.3	8.5	9.6	9.8	9.7	9.3	9.7	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
23	Nguyễn Thị Tí Nị	18/9/2010	Nữ	5.2	8.4	6	8.6	8.9	8	8.1	8.7	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
24	Nguyễn Trọng Phát	25/5/2010	Nam	5.8	7.3	6.4	7.5	7.6	8.6	7.1	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
25	Võ Gia Phú	21/9/2010	Nam	4.4	6.6	4.5	6.7	7.8	6.2	6.3	7.3	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
26	Nguyễn Trọng Phúc	13/10/2010	Nam	7.6	9.1	7.9	8.7	9.4	9.1	8.7	8.7	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
27	Huỳnh Ngọc Yến Phương	6/5/2010	Nữ	7.1	9	7.6	9.1	9.2	8.9	9	9.2	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
28	Phan Phương Quỳnh	7/11/2010	Nữ	7.6	9.6	8.5	9.4	9.3	9.5	8.9	9.4	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	

29	Trương Thị Bích Thảo	17/11/2010	Nữ	4.7	6.6	4.4	6.4	7.1	6.6	6.4	6.6	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
30	Võ Minh Thông	13/1/2010	Nam	4.3	5	4.5	5.1	7.3	5	5	5.8	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
31	Phạm Bích Thùy	4/7/2010	Nữ	6.5	8.4	6.8	8.8	8.7	7.8	8.1	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
32	Trần Trung Thực	12/4/2010	Nam	5.2	5.3	4.8	8.4	8	7.5	6.7	7.7	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
33	Trần Thanh Tịnh	25/9/2010	Nam	4.9	5	4.6	7.3	7.7	7.9	7.3	7.9	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
34	Trương Thị Ngọc Trâm	6/4/2010	Nữ	8.1	9.2	8.3	8.7	8.9	8.8	8.7	9.5	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
35	Trần Thị Tú Trinh	29/10/2010	Nữ	6.1	8.9	6.5	8.1	8.9	8.5	8.2	8.9	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
36	Nguyễn Thị Thu Tuyền	23/6/2010	Nữ	4.5	7.1	5.1	6.5	7.7	5.9	6.6	7.1	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
37	Hồ Nguyễn Thảo Vy	9/2/2010	Nữ	6.5	8.8	6.9	9.5	9.1	8.4	8.8	9.2	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	
38	Phan Thị Kim Xuyên	17/2/2010	Nữ	4.7	6.7	4.7	8.1	7.5	6.4	6.7	7.6	Đ	Đ	Đ	Đ	6A1	

Danh sách này gồm 38 học sinh .

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7A2 - NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	GD CD	Công nghệ	Tin học	KH TN	LS& ĐL	GD TC	NT (AN, MT)	HĐTN, HN	GD ĐP	Lớp cũ	Ghi chú
1	Phạm Văn An	8/2/2010	Nam	3.9	7.7	4.5	8.1	8.6	8.2	7.5	7.9	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
2	Nguyễn Ngọc Anh	6/6/2009	Nữ	5.9	8.2	6.3	8.3	8.8	8.4	7.6	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
3	Nguyễn Hoài Bảo	7/4/2010	Nam	3.9	6.4	5.3	8.2	7.7	7.6	7.3	7.5	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
4	Đặng Thị Doanh Doanh	17/10/2010	Nữ	7.3	8.6	7.5	9.2	8.2	7.9	8.8	7.5	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
5	Võ Minh Duy	18/5/2010	Nam	6.5	7.5	5.4	7.2	7.8	7.2	7.9	7.3	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
6	Đinh Hoài Đan	29/9/2010	Nữ	6.7	8.7	6.2	8.9	8.9	7.9	8.4	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
7	Phạm Hải Đăng	6/10/2010	Nam	4.1	7	5.1	7.2	7.3	5.8	6.7	7.7	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
8	Phan Ngọc Giàu	13/4/2010	Nữ	7.3	9.2	6.6	9	9.1	8.8	8	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
9	Thành Thị Bảo Hân	27/6/2010	Nữ	8.5	8.6	7.2	8.5	9.2	9.3	8.9	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
10	Đặng Trung Hậu	20/6/2010	Nam	7.2	8.2	5.6	7.6	8.2	7.6	7.4	8.6	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
11	Võ Thanh Hiếu	10/5/2010	Nam	5.1	7.6	5.4	8.5	8.7	8.2	8.1	8.3	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
12	Nguyễn Tấn Hùng	29/11/2009	Nam	4.7	6.3	4.6	8.1	7.8	8.3	7	7.7	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
13	Nguyễn Minh Huy	24/4/2010	Nam	6.6	8.5	7.1	7.6	9.2	8.5	8	9	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
14	Phạm Minh Khánh	21/1/2010	Nam	5.4	7.3	4.9	7.9	7.2	7.9	7.5	7.8	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
15	Trần Tuấn Kiệt	9/6/2010	Nam	4.8	6.6	4.9	8.5	7.3	6.1	8.3	8.1	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
16	Võ Thanh Lâm	20/12/2010	Nam	7.7	9.1	7.5	8.8	9	9.4	8.6	9.1	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
17	Nguyễn Minh Long	24/3/2010	Nam	4.8	6.6	5.2	7.2	8.3	7	7.3	6.9	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
18	Nguyễn Thị Trúc Mi	14/9/2010	Nữ	4.7	7.2	5.3	7.5	6.9	7.2	7.2	7.6	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
19	Nguyễn Thanh Nên	25/4/2010	Nam	5.8	7.7	5.1	9	8.7	8.9	8.3	8.7	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
20	Võ Bảo Ngọc	31/7/2010	Nữ	7.1	9.4	6.4	8.3	9.1	9	8.5	8.5	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
21	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	24/7/2010	Nữ	7.2	9.2	7.8	9.3	9.7	9.2	8.2	9.1	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
22	Phạm Thị Kim Nhiều	13/10/2009	Nữ	4.2	5.7	3.9	7.2	6.6	6.1	5.6	7.1	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
23	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	31/10/2010	Nữ	5.4	8.3	5.4	8.7	8.5	8.1	7.6	8.7	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
24	Nguyễn Văn Hoài Phong	24/3/2010	Nam	8	9.1	6.5	8.8	9.2	8.4	8.8	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
25	Nguyễn Hoàng Phúc	17/10/2010	Nam	5.1	6.3	4.8	7.7	7.9	8.1	8.6	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
26	Nguyễn Kim Phụng	15/12/2010	Nữ	7.1	8.9	6.5	9.4	9.2	9.1	8.4	9.1	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
27	Nguyễn Trung Quốc	15/12/2009	Nam	4.9	7.7	5.3	7.7	7.1	6.9	6.4	7.8	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
28	Đặng Thị Hồng Thắm	6/11/2010	Nữ	5.7	8.7	6.8	7.8	9.3	8.4	7.7	8.9	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
29	Nguyễn Thi Thu	28/2/2010	Nữ	5.7	8.8	7	8.6	8.9	8.8	8.3	9	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	

30	Trần Huỳnh Anh Thư	20/1/2010	Nữ	8.5	9.3	7.3	9.4	9.5	8.7	8.7	8.6	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
31	Lê Thị Bảo Thy	24/2/2010	Nữ	4.7	6.7	4	7.5	6.8	6.6	6.3	7.6	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
32	Võ Minh Toàn	1/11/2010	Nam	4.2	5.4	5.1	7.6	8	7.2	7.2	7	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
33	Võ Thị Huyền Trân	1/8/2010	Nữ	7.3	9.2	7.1	9.2	9.6	9.3	8.3	9	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
34	Thi Quốc Triệu	14/10/2010	Nam	5	7.5	4.8	9.1	8.1	7.4	7.9	8.5	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
35	Đỗ Nhật Trình	17/3/2010	Nam	6.2	8.1	6.3	8.3	8.4	8.6	7.7	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
36	Trần Phong Vũ	6/10/2010	Nam	5.8	5	4.7	6.8	6.2	5.1	6.6	7	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
37	Nguyễn Ngọc Như Ý	28/11/2010	Nữ	4.3	8.6	5.9	8.3	8.5	6.6	7.9	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	
38	Lê Thị Kiều Ngọc	9/3/2010	Nữ	6.9	7.8	5.7	7.7	8.3	7.9	7.9	8	Đ	Đ	Đ	Đ	6A2	

Danh sách này gồm có 38 học sinh .



SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THCS & THPT MỸ QUÝ

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7A4 NĂM HỌC 2022-2023

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	GD CD	Công nghệ	Tin học	KH TN	LS& ĐL	GD TC	NT (AN, MT)	HĐTN, HN	GD ĐP	Lớp cũ	Ghi chú
1	Nguyễn Tuấn Anh	12/9/2010	Nam	5	5	3.7	6.9	7.2	4.7	6.6	6.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
2	Võ Khánh Anh	25/4/2010	Nam	5	5.1	3.7	6	6.5	6.7	6.1	5.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
3	Phạm Thanh Bình	14/11/2009	Nam	4.6	5.4	3.6	6.5	7.1	5.5	6.5	6.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
4	Nguyễn Hữu Duy	15/4/2010	Nam	6.2	6.7	4.4	7.7	8.7	4.4	6.7	8.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
5	Trần Quốc Đại	28/8/2010	Nam	5.7	5.7	5.7	7	7.8	5.2	7.8	7.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
6	Nguyễn Thị Châu Giang	15/5/2010	Nữ	7.4	9	6.9	9	9.2	7.9	8.7	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
7	Nguyễn Thị Giàu	19/8/2010	Nữ	7.1	9	6.8	8.8	9.4	7.6	8.7	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
8	Trần Hà Ngọc Hân	15/9/2010	Nữ	8.1	9.1	7.8	9.1	9.4	8.4	8.8	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
9	Trần Huỳnh Hiếu	10/5/2010	Nam	5.5	5.9	4.1	6.7	7.8	6.2	7.4	7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
10	Phạm Nguyễn Huy Hoàng	13/3/2010	Nam	4.6	5	4	5.4	7.1	5	6.2	7.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
11	Hà Gia Huy	17/1/2010	Nam	5.4	7.4	3.8	6.8	8.4	6.4	7.2	7.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
12	Nguyễn Hoàng Huy	7/5/2010	Nam	4.6	5	3.7	6.6	6.3	9.5	7.1	6.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
13	Phạm Văn Khang	8/2/2010	Nam	5	6.6	3.9	8	7.7	5.9	7.3	7.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
14	Trần Đăng Khoa	4/1/2010	Nam	8.7	9.3	7.7	9	8.9	7.8	8.7	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
15	Trương Thiên Kim	14/9/2010	Nữ	6.6	8	6.5	7.8	9	8	8.2	8.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
16	Phan Nhật Linh	2/7/2010	Nam	7.6	9.2	7.6	8.6	9	9.1	8.7	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
17	Nguyễn Tấn Lợi	19/9/2010	Nam	7	7.5	6.9	8.5	8.2	8.6	8.2	7.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
18	Nguyễn Thị Diễm My	20/7/2010	Nữ	6.4	8.8	7.9	9.1	9.3	8	8.6	9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
19	Trịnh Quốc Toàn		Nam														
20	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	16/2/2010	Nữ	7.3	9.1	7.3	8.8	9.5	7.9	8.6	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	Chuyển đến
21	Võ Thành Nhân	14/5/2010	Nam	5	6.6	5.1	7.7	7.6	6.2	7.9	7.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
22	Nguyễn Thị Xuân Nhi	18/10/2010	Nữ	5.3	8.3	6.1	8.5	8.7	7	7.7	8.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
23	Huỳnh Thị Quỳnh Như	9/4/2010	Nữ	5.9	8.1	4.5	7.5	9	5.4	7.8	8.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
24	Trương Huỳnh Tấn Phát	28/2/2010	Nam	6.2	7.4	5.2	8.1	7.3	6.2	7.6	7.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
25	Nguyễn Thanh Phong	19/12/2010	Nam	5	5	3.6	6.2	5.9	4.3	6.2	6.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
26	Nguyễn Thiên Phúc	14/7/2010	Nam	7	8.3	6.9	8.2	9	9	8.5	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
27	Nguyễn Vy Phương	18/2/2010	Nam	8.2	9.7	8.9	8.9	9.6	9.2	9.1	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
28	Lê Thị Mộng Quỳnh	26/1/2010	Nữ	6.2	8.9	6.6	8.4	9.4	8.2	7.9	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	

29	Nguyễn Ngọc Đan Thanh	24/9/2010	Nữ	6.1	7.6	5	7.6	8.5	7.3	8.3	8.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
30	Đỗ Ngọc Tú Thư	10/7/2010	Nữ	7.5	9	7.7	8.4	8.6	8.3	8	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
31	Nguyễn Ngọc Yến Trang	31/8/2010	Nữ	5.5	7.2	5	7.6	8	7.1	7.7	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
32	Phan Minh Trí	31/7/2010	Nam	4.1	5	4.1	6.2	5.3	5	6.6	6.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
33	Phan Kiều Trinh	22/2/2010	Nữ	8.9	9.7	9.1	9	9.6	9.3	9.2	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
34	Nguyễn Thị Kim Tuyền	19/11/2010	Nữ	7.9	8.4	8.4	8.5	9.3	7.2	9.1	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
35	Đổng Thị Ngọc Vy	4/10/2010	Nữ	7.4	9.3	8.1	8.6	9.1	8.9	8.6	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
36	Lê Thị Ngọc Xuân	13/8/2010	Nữ	6.2	8.8	7.8	7.9	8.7	8.6	8.1	8.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	
37	Trương Thị Như Ý	11/12/2010	Nữ	6.5	8	5.9	8.1	8.4	7.2	7.8	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A4	

Danh sách trên gồm có 37 học sinh



SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THCS & THPT MỸ QUÝ

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7A3 NĂM HỌC 2022-2023

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	GD CD	Công nghệ	Tin học	KH TN	LS&Đ L	GD TC	NT (AN, MT)	HĐTN, HN	GD ĐP	Lớp cũ	Ghi chú
1	Nguyễn Đặng Phương Anh	5/12/2010	Nữ	5.5	5.1	5.2	7	7.1	5.7	7	7.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
2	Nguyễn Hoàng Anh	6/1/2010	Nam	7.6	8.7	6.5	8.6	9.3	8.9	8.8	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
3	Nguyễn Hoài Bảo	26/10/2010	Nam	5	5.9	4.5	7.4	7.9	6.4	7.1	7.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
4	Bùi Thị Ngọc Dung	19/1/2010	Nữ	6.6	7.7	6.2	8.3	7.9	8.4	7.3	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
5	Phan Thanh Duy	28/2/2010	Nam	4.7	5	4.4	6.3	7.1	5.3	6.4	7.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
6	Trần Nguyễn Phong Đạt	14/6/2010	Nam	6	5	4.2	7.1	7.1	7.1	7.2	8.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
7	Lê Đại Đồng	11/3/2009	Nam	4.3	5	3.6	6.8	5.4	5.4	5	5.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
8	Nguyễn Lê Gia Hào	17/5/2010	Nam	8.8	5	7	8.5	7.1	7.4	9.1	7.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
9	Nguyễn Lê Gia Hân	17/5/2010	Nữ	9.1	8.2	8.1	8.5	8.7	8.4	8.9	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
10	Phan Trung Hậu	4/2/2010	Nam	5.5	5.4	3.7	6.9	6.8	6.3	6.7	6.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
11	Nguyễn Huy Hoàng	30/9/2010	Nam	6.9	6.1	5	7.8	7.2	7.5	7.8	8.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
12	Bùi Gia Huy	28/7/2010	Nam	9.6	9.3	9.3	9.4	9.5	9.7	9.5	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
13	Huỳnh Nhựt Huy	2/1/2010	Nam	7.5	7.8	7.4	8.2	8.8	9.3	9.2	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
14	Nguyễn Trọng Khang	27/11/2010	Nam	5.2	5.3	3.9	8	6.9	5.6	7.2	7.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
15	Ngô Nguyễn Đăng Khoa	11/2/2010	Nam	8.1	8.9	7.2	8.6	9.1	8.1	8.8	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
16	Nguyễn Thiên Kim	11/5/2010	Nữ	6.3	7	5	8	7.3	6.2	7.3	7.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
17	Nguyễn Diệu Linh	2/1/2010	Nữ	8.3	8.7	8.3	9.3	8.8	9	9	9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
18	Phạm Thị Xuân Mai	4/2/2009	Nữ	7.2	7.4	7	8.4	8.6	7.9	8.6	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
19	Phạm Thị Huỳnh Nghi	7/10/2010	Nữ	8	9.2	8.4	8.9	9	9.1	8.7	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
20	Nguyễn Thị Hương Ngọc	25/6/2010	Nữ	6.8	7.7	5.3	7.8	8.3	7	8.4	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
21	Nguyễn Thị Thảo Nhi	30/4/2010	Nữ	8.8	9.1	8.5	9.1	9.7	9.5	9	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
22	Nguyễn Thị Huỳnh Như	30/9/2008	Nữ	5	5	5	6	6.4	5.4	6.9	5.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	

23	Nguyễn Lê Anh Phát	17/5/2010	Nam	9.5	9	9.1	9.1	9.1	9.2	9.5	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
24	Nguyễn Thái Phong	10/2/2009	Nam	7.2	6.4	5.7	7.8	8.1	6.3	8.2	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
25	Võ Thành Phúc	19/10/2010	Nam	6.1	5	5	7.4	8.3	6.1	7.7	7.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
26	Trần Khánh Phương	29/6/2010	Nam	3.8	5	3.6	5.3	5.5	6.2	5.7	5.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
27	Lê Thị Mỹ Quyền	3/3/2010	Nữ	5.7	5.1	5	6.3	6.8	6.7	6	7.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
28	Lê Minh Thái	17/5/2010	Nam	6.3	8	4.4	8.4	8.3	8.2	8	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
29	Nguyễn Hoàng Thi	17/11/2010	Nam	5.2	5.2	5	8.2	7.8	7.7	7.7	7.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
30	Phạm Hồng Thuận	29/10/2010	Nam	5.7	5	4	7.2	5	4.8	5.3	5.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
31	Châu Ngọc Anh Thu	26/3/2010	Nữ	9.7	9.7	9.6	9.3	9.8	9.8	9.3	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
32	Trịnh Thị Ngọc Tiền	29/8/2010	Nữ	5.6	6.8	5.1	8	7.3	6.2	7.6	7.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
33	Phan Thị Thu Trang	28/7/2010	Nữ	5.3	7	3.6	7.3	7.8	6.9	7	7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
34	Nguyễn Đình Trí	23/6/2010	Nam	7.1	5.7	5	8.4	8.5	7.8	7.8	7.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
35	Võ Thị Kim Trúc	3/3/2010	Nữ	6.1	6.9	5	7.2	7.8	7.1	7.9	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
36	Lâm Chí Vĩnh	4/1/2010	Nam	5.9	5	4.5	7.4	8	5.7	7.3	7.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
37	Nguyễn Thị Kim Xuân	26/4/2010	Nữ	5.5	6.1	4	7.9	8.1	5.3	6.9	7.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
38	Huỳnh Thị Như Ý	18/2/2010	Nữ	8	8.5	7.5	8.7	8.7	8.6	8.5	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	
39	Trần Minh Trung	20/9/2010	Nam	6.6	5.4	5.4	7.3	7.4	6.3	7.4	7.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	6A3	

Danh sách này gồm có 39 học sinh .